

Số: 10/TT – ĐHĐCĐ.2017

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2017

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
(Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty)

***Kính trình: Đại hội đồng cổ đông***

Điều lệ hiện hành của Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ban hành ngày 31/03/2015.

Kể từ thời điểm ban hành, các quy định của pháp luật doanh nghiệp và chứng khoán đã có nhiều thay đổi, đặc biệt là sau khi Luật Doanh nghiệp 2014 có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015.

Vì vậy, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát hiện hành.

Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung đính kèm tờ trình.

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.**

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch**

*(Đã ký)*

**TRẦN ĐÌNH LONG**

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ**  
(Đính kèm tờ trình số 10/2017/TT – ĐHĐCĐ.2017)

STT	Điều lệ hiện tại	Đề nghị sửa đổi	Ghi chú
1	Phần mở đầu: Điều lệ này được sửa đổi căn cứ theo Nghị quyết hợp lệ số 01/NQ – ĐHĐCĐ.2015 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát thông qua tại cuộc họp thường niên vào ngày 31 tháng 03 năm 2015	Phần mở đầu: Điều lệ này được sửa đổi căn cứ theo Nghị quyết hợp lệ số 01/NQ – ĐHĐCĐ.2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát thông qua tại cuộc họp thường niên vào ngày 10 tháng 03 năm 2017	
2	Điều 1. Định nghĩa 1.c “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Điều 1. Định nghĩa 1.c “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.	
3	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động Bổ sung trụ sở chi nhánh: 1. Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát tại Hà Nội Địa chỉ: số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. 2. Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát tại Thành phố Đà Nẵng Địa chỉ: 171 Trường Chinh, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. 3. Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát tại TP. Hồ Chí Minh Địa chỉ: 643 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Theo quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp
4	Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động	Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 4.1 Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành và thực	Công ty được phép kinh doanh những ngành nghề pháp luật không cấm, bỏ

	<p>kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty</p> <p>2.Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn</p>	<p>hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty</p> <p>4.2 Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm</p>	<p>quy định ngành nghề trong giấy đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Theo quy định tại Điều 7 Luật DN</p>
5	IV. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	IV. Vốn điều lệ, cổ phần	Bỏ cụm từ Cổ đông sáng lập vì không có điều khoản nào nhắc đến cổ đông sáng lập nữa.
6	<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần và cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 7.329.514.190.000 VNĐ (Bảy nghìn, ba trăm hai mươi chín tỷ, năm trăm mười bốn triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng).</p> <p>2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 732.951.419 (Bảy trăm ba mươi hai triệu, chín trăm năm mươi một nghìn, bốn trăm mười chín) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/ cổ phần</p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể</p>	<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần</p> <p>1.Vốn điều lệ của Công ty là 8.428.749.560.000 VND (Bằng chữ: Tám nghìn bốn trăm hai mươi tám tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).</p> <p>2.Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 842.874.956 (Bằng chữ: Tám trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi tư nghìn, chín trăm năm mươi sáu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/ cổ phần</p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ <i>quyết định</i> khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp để cổ đông có thể đăng ký mua (tối thiểu hai mươi ngày). Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng</p>	

	phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.	quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.	
7	Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu Sửa cụm từ chứng chỉ thành chứng nhận	TT121/2012/TT-BTC
8	Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 3. Trong trường hợp, một cổ đông là cá nhân bị chết, người hoặc những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản hợp pháp của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần	Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 3. Trong trường hợp, một cổ đông là cá nhân bị chết, người, tổ chức hoặc những người quản lý tài sản hợp pháp của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần.	
9	Điều 11. Quyền của Cổ đông 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.3 và Điều 39.2 b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;	Điều 11. Quyền của Cổ đông 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.3 và Điều 39.2 Điều lệ này. b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;	Điều 114 Luật Doanh nghiệp
10	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc	Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014

	đồng đó.	của người có liên quan tới cổ đông đó <i>trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</i>	
11	Điều 16. Thay đổi các quyền 1.Các quyết định của ĐHĐCĐ về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết	Điều 16. Thay đổi các quyền 1.Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65 % cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua	
12	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, 3.Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước <i>ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông</i> 5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau: b. Vào thời điểm đề xuất họp, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông 3.Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <i>10 ngày trước ngày khai mạc</i> 5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau: b. Vào thời điểm đề xuất họp, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;	Điều 139 Luật doanh nghiệp
13	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 2.Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 2.Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <i>người triệu tập họp hủy cuộc họp</i> . Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	
14	Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì,	Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch	

	<p>trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.</p>	<p>Hội đồng quản trị vắng mặt <i>hoặc tạm thời mất khả năng làm việc</i> thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.</p>	
15	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>c.Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.</p>	<p>Điều 20. Thông qua <i>nghị quyết</i> của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>c.Bầu, <i>bãi nhiệm, miễn nhiệm</i> và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p>	Điều 157 Luật Doanh nghiệp
16	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2.Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.</p>	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2.Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ <i>đăng ký</i> của từng cổ đông, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.</p>	TT 121/2012/TT-BTC
17	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là (05) năm, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá</p>	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại</p>	Điều 150 Luật Doanh nghiệp

	05 năm.	với số nhiệm kỳ không hạn chế. 3. Bổ sung vào khoản 3 như sau: Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể theo phương thức phổ thông đầu phiếu hoặc bầu dồn phiếu tùy theo quyết định của Hội đồng quản trị đương nhiệm.	
18	Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và các Phó Chủ tịch.	Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và các Phó Chủ tịch.	Điều 152 Luật Doanh nghiệp
19	Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu	Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và <i>Đại hội đồng cổ đông</i> . Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi được yêu cầu.	
20	Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát 3. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm, thành viên của Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Điều 39. Thành viên Ban Kiểm soát 2. Bổ sung khoản 2 như sau: Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát theo phương thức phổ thông đầu phiếu hoặc bầu dồn phiếu theo quyết định của Hội đồng quản trị đương nhiệm. 3. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Điều 163 Luật Doanh nghiệp
21	Điều 46. Quỹ dự phòng tài chính Hàng năm, Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự phòng tài chính theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và	Điều 46. Quỹ đầu tư phát triển Hàng năm, Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật.	

	được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty		
22	<p>Điều 59. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XXII chương 60 điều và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015. Điều lệ này thay thế cho Bản điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát được thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2013.</p>	<p>Điều 59. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XXII chương 60 điều và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 03 năm 2017. Điều lệ này thay thế cho Bản điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát được thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	
23	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc sửa đổi tăng vốn điều lệ trong Điều lệ sau mỗi lần phát hành cổ phiếu.</li> <li>- Các nội dung khác trong Điều lệ hiện hành (nếu có) chưa phù hợp với Luật Doanh nghiệp mới: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị sửa đổi, bổ sung và kết cấu lại chi tiết.</li> </ul>		